

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05-06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-27
Bảng cân đối kế toán	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-27

010  
HAC  
HAI  
0A  
C  
M  
7  
11

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (tên viết tắt: VFC) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thanh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015, chuẩn y các việc sau:

+ Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán;

+ Thay đổi địa điểm trụ sở chính về Phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

- Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021, chuẩn y các việc sau:

+ Thay đổi địa điểm trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

+ Thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Bùi Thị Thanh Trà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Huyền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 117/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 11 năm 2022, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Võ Anh Tú, chức danh Tổng Giám đốc.

- Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 02 năm 2024, điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ lên 100.000.000.000 VND.

- Giấy phép điều chỉnh số 103/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2024, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Việt Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Nguyễn Thị Huyền	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Trần Thị Mai Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024
Ông Phạm Huy Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Võ Anh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2024

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Võ Anh Tú Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo bao gồm:

Ông Ngô Trung Dũng Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 16/04/2024

Bà Hoàng Khánh Ly Thành viên Bổ nhiệm ngày 16/04/2024

Bà Nguyễn Thùy Anh Thành viên Bổ nhiệm ngày 16/04/2024

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Võ Anh Tú – Tổng Giám đốc được Ông Nguyễn Việt Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Giấy Ủy quyền số 01/2024/VBUQ-VFC-CT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2024.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Võ Anh Tú**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Handwritten text on the right margin: "C O N T R O L T A B L E"

Số: 200325.019/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát được lập ngày 20 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>101.102.183.175</b>	<b>25.720.129.030</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>23.417.522.039</b>	<b>12.132.905.618</b>
111	1. Tiền		2.257.522.039	12.132.905.618
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.160.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>75.000.774.000</b>	<b>10.000.774.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		75.000.774.000	10.000.774.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.601.630.609</b>	<b>3.501.225.035</b>
131	1. Phải thu khách hàng		-	701.055.600
132	2. Trả trước cho người bán	5	51.600.000	40.800.000
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	167.634.844	76.916.629
135	4. Các khoản phải thu khác	7	2.410.022.411	2.710.079.452
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(27.626.646)	(27.626.646)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>82.256.527</b>	<b>85.224.377</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	82.256.527	85.224.377
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>443.453.610</b>	<b>593.050.703</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>149.259.500</b>	<b>139.259.500</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	149.259.500	139.259.500
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>272.886.110</b>	<b>369.076.106</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	25.027.499	31.417.499
222	- Nguyên giá		201.417.448	201.417.448
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(176.389.949)	(169.999.949)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	247.858.611	337.658.607
228	- Nguyên giá		489.950.000	489.950.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(242.091.389)	(152.291.393)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.308.000</b>	<b>84.715.097</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.308.000	84.715.097
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>101.545.636.785</b>	<b>26.313.179.733</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>869.392.131</b>	<b>819.413.935</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>869.392.131</b>	<b>819.413.935</b>
312	1. Phải trả người bán		-	13.934.900
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	687.805.320	577.055.651
319	3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		6.630.677	3.827.250
323	4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		174.956.134	224.596.134
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	15	<b>100.676.244.654</b>	<b>25.493.765.798</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		-	54.906.131
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		54.906.131	54.906.131
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		621.338.523	383.953.536
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>101.545.636.785</b>	<b>26.313.179.733</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		90.000	90.000
007	1.1 Chứng khoán giao dịch		90.000	90.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	4.362.802.948	59.609.279
031	2.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		4.362.802.948	59.609.279
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	42.019.777.400	35.270.740.300
041	3.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước		42.019.777.400	35.270.740.300
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		115.551.505	98.703.960
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	19	1.048.713.200	21.894.502

**Lê Thùy Trang**

Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**Võ Anh Tú**

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	3.101.873.202	4.017.756.050
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		3.101.873.202	4.017.756.050
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	21	1.572.006.081	1.321.350.964
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		1.529.867.121	2.696.405.086
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.887.762.878	2.290.220.503
22	7. Chi phí tài chính	23	1.019.143.186	1.208.427.740
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	4.887.659.007	5.150.239.652
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		510.827.806	(1.372.041.803)
32	11. Chi phí khác	25	314.974.409	47.543.215
40	12. Lợi nhuận khác		(314.974.409)	(47.543.215)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		195.853.397	(1.419.585.018)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	13.374.541	54.137.866
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		182.478.856	(1.473.722.884)
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	20	(589)

**Lê Thùy Trang**

Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**Võ Anh Tú**

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		34.502.010.587	51.930.036.764
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(29.128.707.642)	(30.682.656.683)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.897.785.106)	(3.691.306.258)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(13.374.541)	(148.038.837)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(10.000.000)	
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.602.134.446)	(795.802.691)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(149.991.148)</b>	<b>16.612.232.295</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(31.949.999)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(75.000.000.000)	(10.000.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
27	4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.434.607.569	996.994.760
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(63.565.392.431)</b>	<b>(9.034.955.239)</b>
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		75.000.000.000	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>75.000.000.000</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>11.284.616.421</b>	<b>7.577.277.056</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>12.132.905.618</b>	<b>4.555.628.562</b>
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>23.417.522.039</b>	<b>12.132.905.618</b>

Lê Thùy Trang

Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025



Võ Anh Tú

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2024

Năm 2024	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	75.000.000.000	-	100.000.000.000
2.	Quỹ dự phòng tài chính	54.906.131	-	(54.906.131)	-
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	54.906.131	-	-	54.906.131
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	383.953.536	237.384.987	-	621.338.523
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>15</b>	<b>25.493.765.798</b>	<b>75.237.384.987</b>	<b>(54.906.131)</b>	<b>100.676.244.654</b>

Năm 2023	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
2.	Quỹ dự phòng tài chính	54.906.131	-	-	54.906.131
3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	54.906.131	-	-	54.906.131
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.857.676.420	-	(1.473.722.884)	383.953.536
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>15</b>	<b>26.967.488.682</b>	<b>-</b>	<b>(1.473.722.884)</b>	<b>25.493.765.798</b>



**Lê Thùy Trang**  
Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025



**Võ Anh Tú**  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (tên viết tắt: VFC) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thanh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 9 năm 2015, chuẩn y các việc sau:

+ Bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán;

+ Thay đổi địa điểm trụ sở chính về Phòng 1201, Tầng 12, Tòa nhà Ruby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

- Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021, chuẩn y các việc sau:

+ Thay đổi địa điểm trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 05 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

+ Thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Bùi Thị Thanh Trà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Nguyễn Thị Huyền, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Giấy phép điều chỉnh số 117/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 11 năm 2022, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Bà Võ Anh Tú, chức danh Tổng Giám đốc.

- Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 02 năm 2024, điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ lên 100.000.000.000 VND.

- Giấy phép điều chỉnh số 103/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2024, chuẩn y thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Việt Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 100,000,000,000 VND; tương đương 10,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 10 người).

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Đến ngày 30/01/2024, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng giá trị thu được từ đợt chào bán là 75.000.000.000 VND tương đương 7.500.000 cổ phiếu do nhà đầu tư là Ngân hàng TMCP Tiên Phong tham gia. Theo đó, Công ty chính thức trở thành Công ty con của Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

**2.5 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

## Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị quản lý 03-05 năm
- Phần mềm quản lý 03-05 năm

**2.9 . Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba (03) tháng đã bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (03) tháng đến mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phân ánh theo giá gốc trong các năm tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá trị thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

**2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư**

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**2.15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**2.16. Ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi của các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.17. Các khoản thuế***a, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

*b, Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### 2.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.20. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư và tự doanh, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	5.549.637	40.819.152
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.251.972.402	12.092.086.466
Các khoản tương đương tiền (*)	21.160.000.000	-
	<u><u>23.417.522.039</u></u>	<u><u>12.132.905.618</u></u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 32 đến 33 ngày, được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	774.000	774.000
Hợp đồng tiền gửi (*)	35.000.000.000	10.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi (*)	40.000.000.000	-
	<u><u>75.000.774.000</u></u>	<u><u>10.000.774.000</u></u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

+ Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với tổng số tiền là 35.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;

+ Các khoản chứng chỉ tiền gửi của các Công ty tài chính có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền là 40.000.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	43.200.000	32.400.000
Công ty Cổ phần Sao Vàng	8.400.000	8.400.000
	<b>51.600.000</b>	<b>40.800.000</b>

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Phải thu hoạt động nghiệp vụ chi tiết theo nội dung</b>		
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán	129.201.928	57.689.983
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	38.432.916	19.226.646
	<b>167.634.844</b>	<b>76.916.629</b>
<b>b) Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)</i>	<b>129.201.928</b>	<b>57.689.983</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	623.904.219	133.479.452
Phải thu cổ tức được chia	36.000	23.000.000
Phải thu về bán chứng khoán	-	2.551.500.000
Phải thu về lãi chứng chỉ tiền gửi	1.786.082.192	-
Phải thu khác	-	2.100.000
	<b>2.410.022.411</b>	<b>2.710.079.452</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Sao Vàng	8.400.000	-	8.400.000	-
- Bà Đoàn Minh Phượng	18.970.163	-	18.970.163	-
- Các khách hàng ủy thác khác	256.483	-	256.483	-
	<b>27.626.646</b>	<b>-</b>	<b>27.626.646</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Chi phí mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên	11.529.933	11.098.044
Chi phí khác	70.726.594	74.126.333
	<u><b>82.256.527</b></u>	<u><b>85.224.377</b></u>

**10 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	149.259.500	139.259.500
	<u><b>149.259.500</b></u>	<u><b>139.259.500</b></u>

**11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty là thiết bị quản lý có nguyên giá 201.417.448 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 176.389.949 VND, chi phí khấu hao trong năm là 6.390.000 VND.

**12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty là phần mềm có nguyên giá 489.950.000 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 242.091.389 VND. Tổng chi phí khấu hao trong năm là 89.799.996 VND.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	51.929.732
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	21.308.000	32.785.365
	<u><b>21.308.000</b></u>	<u><b>84.715.097</b></u>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	45.856.060
Thuế Thu nhập cá nhân	687.805.320	531.199.591
	<u><b>687.805.320</b></u>	<u><b>577.055.651</b></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**

**Báo cáo tài chính**

Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2023	25.000.000.000	54.906.131	54.906.131	54.906.131	54.906.131	1.857.676.420	1.857.676.420	26.967.488.682	
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(1.473.722.884)	(1.473.722.884)	(1.473.722.884)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>54.906.131</b>	<b>54.906.131</b>	<b>54.906.131</b>	<b>54.906.131</b>	<b>383.953.536</b>	<b>383.953.536</b>	<b>25.493.765.798</b>	
Tại ngày 01/01/2024	25.000.000.000	54.906.131	54.906.131	54.906.131	54.906.131	383.953.536	383.953.536	25.493.765.798	
Tăng vốn (*)	75.000.000.000	-	-	-	-	-	-	75.000.000.000	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	182.478.856	182.478.856	182.478.856	
Tăng/giảm khác (**)	-	(54.906.131)	(54.906.131)	(54.906.131)	(54.906.131)	54.906.131	54.906.131	-	
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>54.906.131</b>	<b>621.338.523</b>	<b>621.338.523</b>	<b>100.676.244.654</b>	

(\*) Đến ngày 30/01/2024, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng giá trị thu được từ đợt chào bán là 75.000.000.000 VND tương đương 7.500.000 cổ phiếu cho nhà đầu tư là Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

(\*\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 16/04/2024 đã thông qua việc chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang khoản mục Lợi nhuận chưa phân phối với số tiền 54.906.131 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2024 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 VND
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	99,90	99.900.000.000	-	-
Ông Nguyễn Anh Vũ	0,05	50.000.000	58,00	14.500.000.000
Bà Hồ Thị Thùy Giang	0,05	50.000.000	24,00	6.000.000.000
Bà Nguyễn Thanh Hương	-	-	18,00	4.500.000.000
	<b>100</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>25.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	75.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	25.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	2.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI**

Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng đặt trụ sở chính dài hạn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji với diện tích 50 m<sup>2</sup> tầng 11 Tòa nhà Doji Tower tại địa chỉ số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam đến hết ngày 15/10/2025 với giá thuê được quy định trong hợp đồng ký kết với đối tác.

**17 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số dư đầu năm	59.609.279	173.880.000
Số tăng trong năm	164.053.053.973	23.660.164.375
Số giảm trong năm	(159.749.860.304)	(23.774.435.096)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.362.802.948</b>	<b>59.609.279</b>

**Chi tiết số dư tại thời điểm:**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Đá quý Thế giới	27.097.911	27.070.753
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Thương mại Quang Minh	17.715.131	17.697.378
Nguyễn Trọng Sơn	38.725.211	6.580.144
Trịnh Ngọc Giao	4.270.995.416	-
Các nhà đầu tư ủy thác khác	8.269.279	8.261.004
	<b>4.362.802.948</b>	<b>59.609.279</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**18 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Cổ phần Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam (ACSV)	35.250.000.000	35.250.000.000
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	774.000.000	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (HKB)	17.777.400	20.740.300
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Gemadept (GMD)	978.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	-
	<b>42.019.777.400</b>	<b>35.270.740.300</b>

**19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phí lưu ký phải trả	25.819.823	10.583.395
Phí giao dịch phải trả	11.311.107	11.311.107
Phí quản lý danh mục	19.206.270	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	992.376.000	-
	<b>1.048.713.200</b>	<b>21.894.502</b>

**20 . DOANH THU**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	739.619.533	675.280.009
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	362.253.669	342.476.041
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	2.000.000.000	3.000.000.000
	<b>3.101.873.202</b>	<b>4.017.756.050</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<b>739.619.533</b>	<b>675.280.009</b>

**21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên trực tiếp	1.483.974.507	1.187.084.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.347.029	11.984.164
Chi phí tư vấn	63.684.545	122.282.222
	<b>1.572.006.081</b>	<b>1.321.350.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi	3.648.047.028	719.783.808
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.103.500	306.531.500
Doanh thu từ hoạt động đầu tư	1.199.612.350	1.263.905.195
	<b>4.887.762.878</b>	<b>2.290.220.503</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	2.128.652	-

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán và thanh lý các khoản đầu tư	976.368.850	1.159.632.800
Trích lập/ hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(9.900)
Chi phí tài chính khác	42.774.336	48.804.840
	<b>1.019.143.186</b>	<b>1.208.427.740</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.728.585.901	3.754.146.818
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	105.866.930	217.190.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.189.996	302.562.296
Thuế, phí và lệ phí	11.158.600	3.386.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	945.857.580	872.715.230
Chi phí khác bằng tiền	-	237.600
	<b>4.887.659.007</b>	<b>5.150.239.652</b>

**25 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	44.959.600
Tiền phạt vi phạm hành chính	314.974.409	2.583.615
	<b>314.974.409</b>	<b>47.543.215</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	195.853.397	(1.419.585.018)
Các khoản điều chỉnh tăng	563.090.347	269.250.267
- Chi phí không hợp lệ	314.974.409	269.250.267
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	248.115.938	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(758.943.744)	(306.531.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(40.103.500)	(306.531.500)
- Chuyển lỗ các năm trước	(718.840.244)	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(1.456.866.251)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	13.374.541	54.137.866
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>13.374.541</b>	<b>54.137.866</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	93.900.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(13.374.541)	(148.038.837)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	182.478.856	(1.473.722.884)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	182.478.856	(1.473.722.884)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.075.342	2.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>20</b>	<b>(589)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ (chứng khoán) ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu, trái phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Đầu tư ngắn hạn	75.000.774.000	-	-	75.000.774.000
	<b>75.000.774.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>75.000.774.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Đầu tư ngắn hạn	10.000.774.000	-	-	10.000.774.000
	<b>10.000.774.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000.774.000</b>

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	23.411.972.402	-	-	23.411.972.402
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000
Các khoản phải thu	2.601.630.609	149.259.500	-	2.750.890.109
	<b>101.013.603.011</b>	<b>149.259.500</b>	<b>-</b>	<b>101.162.862.511</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	12.092.086.466	-	-	12.092.086.466
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản phải thu	3.501.225.035	139.259.500	-	3.640.484.535
	<b>25.593.311.501</b>	<b>139.259.500</b>	<b>-</b>	<b>25.732.571.001</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở đồng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.630.677	-	-	6.630.677
	<u>6.630.677</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>6.630.677</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.762.150	-	-	17.762.150
	<u>17.762.150</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.762.150</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Công ty mẹ từ ngày 30/01/2024
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty	Người nội bộ của Công ty
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt	Quỹ thành viên do Công ty quản lý

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán</b>	739.619.533	675.280.009
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt	739.619.533	675.280.009
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	2.128.652	-
Lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2.128.652	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT**Tầng 11, Tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên,  
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>1.858.394.482</b>	<b>2.997.397.069</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.858.394.482	2.997.397.069
<b>Phải thu các hoạt động nghiệp vụ</b>	<b>129.201.928</b>	<b>57.689.983</b>
Quỹ Đầu tư Giá trị Việt	129.201.928	57.689.983

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị</b>	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Ông Nguyễn Việt Anh	100.173.913	-
Ông Phạm Huy Trung	66.782.609	-
Bà Nguyễn Thị Huyền	40.597.710	133.333.332
Bà Trần Thị Mai Quỳnh	20.289.853	66.666.660
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	20.289.853	66.666.660

<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc</b>	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Bà Võ Anh Tú	1.978.483.261	1.816.520.000

<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Ông Ngô Trung Dũng	41.739.130	-
Bà Hoàng Khánh Ly	25.043.478	-
Bà Nguyễn Thùy Anh	25.043.478	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


**Lê Thùy Trang**

Người lập/ Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**Võ Anh Tú**

Tổng Giám đốc